



yín mù
银幕

Noun · Screen

Example Sentences

yín mù hěn dà
银幕很大。

The screen is big.

nǐ jué de yín mù shàng de nà ge jué sè yǎn dé zěn me yàng
你觉得银幕上的那个角色演得怎么样？

How do you think that character on the screen performed?

diàn yǐng zài yín mù shàng bō fàng
电影在银幕上播放。

The movie is playing on the screen.

Trace each character, then write the word on your own.

银	银	银	银	银	银	银	银	银	银	银
银	银	银								

幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕
幕	幕	幕	幕	幕						